

# I. Thu nhập khu

---

## ■ Mục đích và tác động của thu

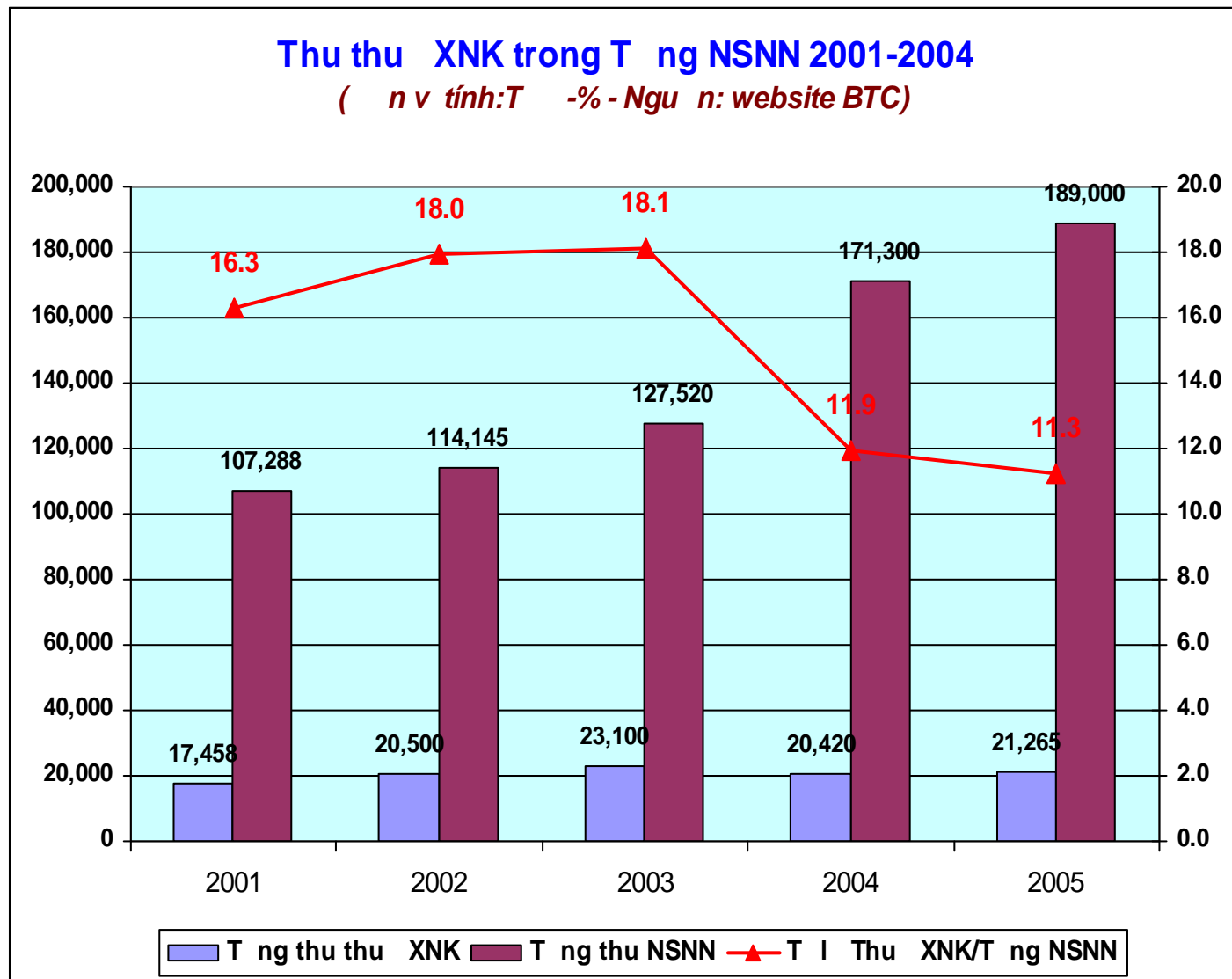
1. Tạo nguồn thu cho NSNN
2. Hướng dẫn tiêu dùng trong nước
3. Là công cụ ưu đãi nhằm quan hệ ngoại  
cầm tay qua gia
4. Bổ sung sản xuất nội địa

# 1. Tổng thu cho NSNN

---

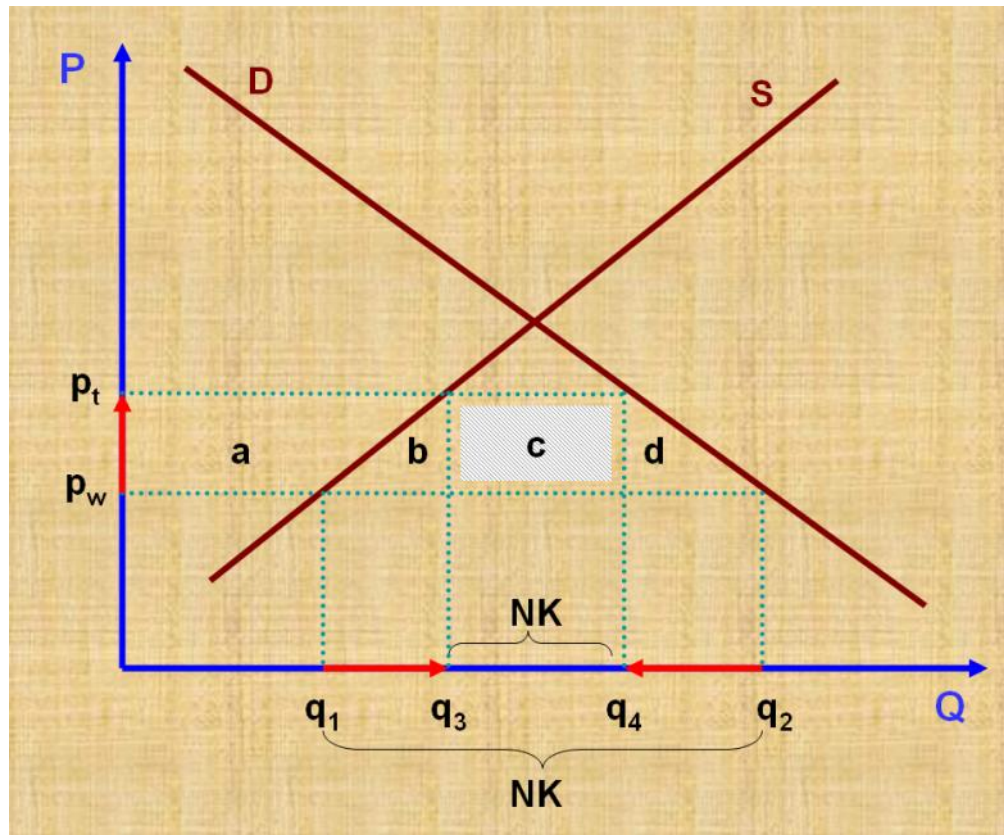
- Ngân sách NN và Thu Ngân sách nhà nước?  
(Xem *Lưu ý Ngân sách NN* 2002)
- Biểu hiện đóng góp của Thu vào ngân sách nhà nước trên s Thu
- Công cong Laffer
- Các u thu XNK trong tổng thu Ngân sách

# 1. Tổng thu cho NSNN



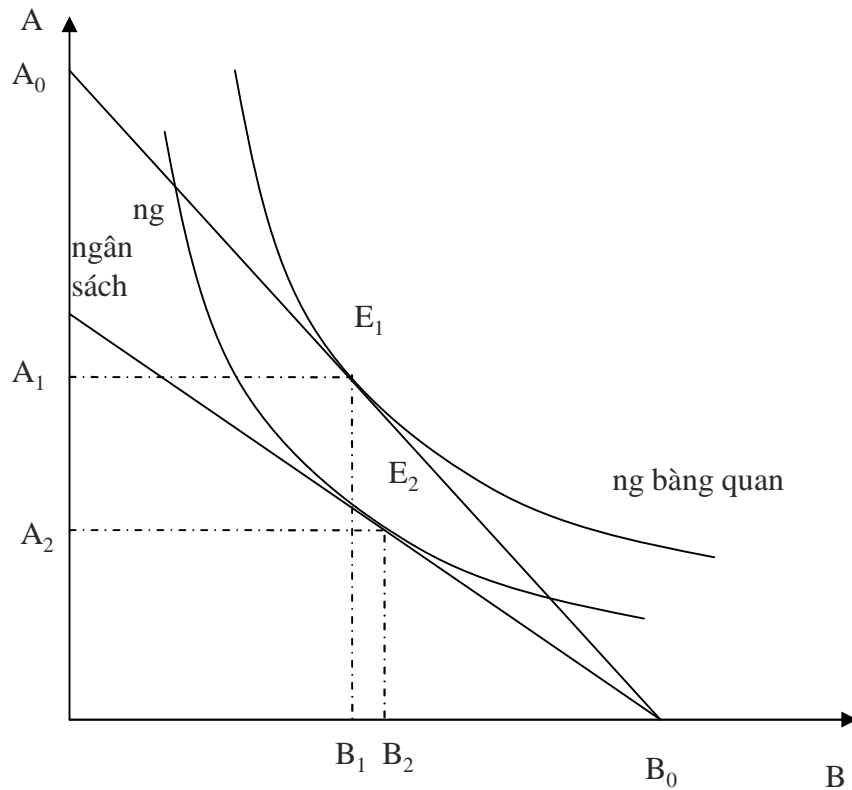
## 2. Hạng d n tiêu dùng trong n c

- Trên s thu là vi c t ng giá, gi m tiêu dùng



## 2. Hình dạng của tiêu dùng trong cân bằng

### ■ Sự thay đổi của lý thuyết cân bằng tiêu dùng



### 3. i u ti t quan h i ngo i

---

- Góp ph n th c hi n chính sách m t hàng, th tr ng...
- Là công c àm phán: c t gi m thu quan, ràng bu c thu quan, thu quan hóa các bi n pháp phi thu ...

## 4. B o h SX n i a

---

- S L i ích và chi phí c a Thu (S Thu )
- T su t b o h danh ngh a
- T su t b o h hi u qu th c

# S l i ích và chi phí c a Thu

CS=

—

$$(a+b+c+d)$$

PS=+a

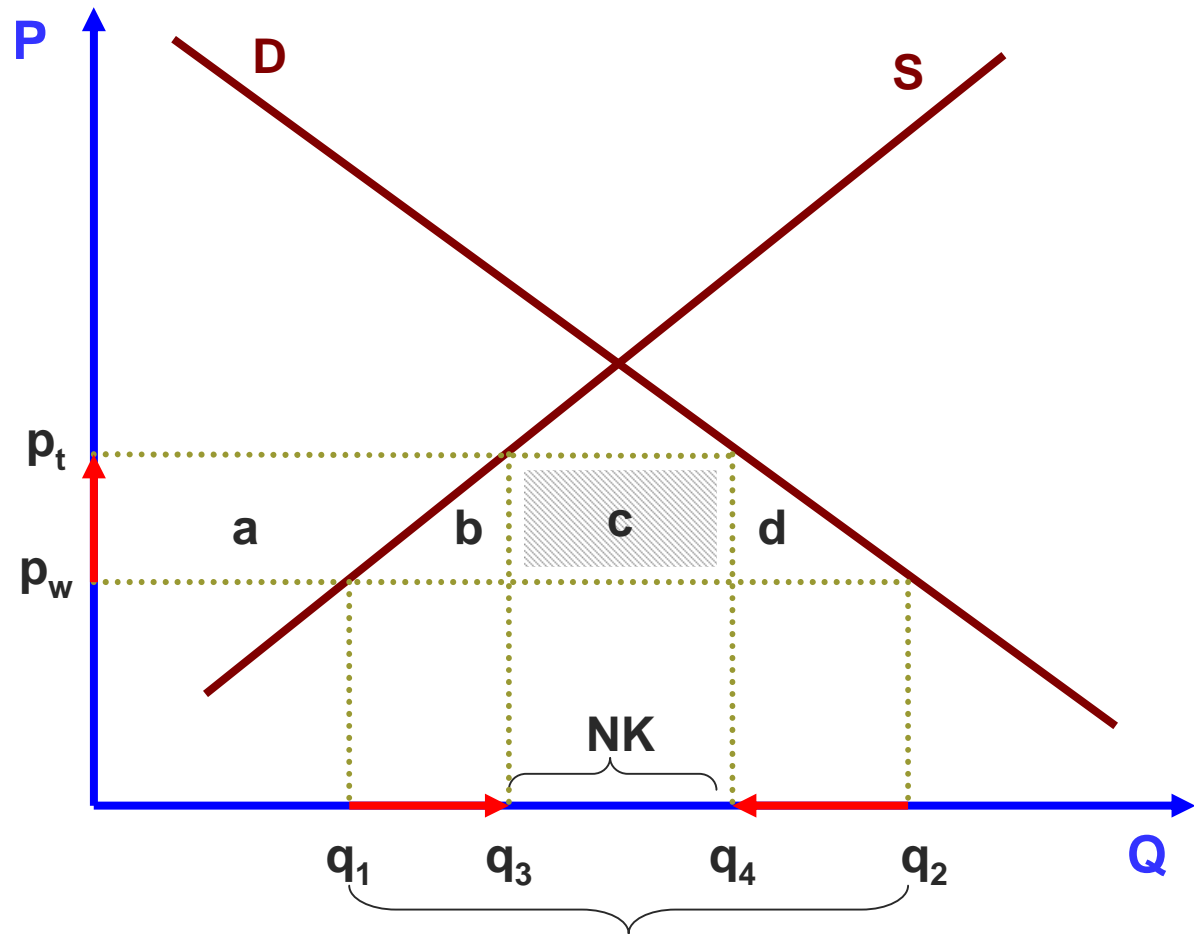
**G=+c**

1

# Deadweight=?

- b?

- d?





# Tsu t b o h danh ngh a - NPR

---

- Hai lo i t tsu t b o h danh ngh a:
  - Tsu t b o h danh ngh a thu quan
  - Tsu t b o h danh ngh a th c

# Tỉ suất báo hỏng danh nghĩa thu quan

---

Công thức:

$$NPR = \frac{P'}{P} - 1$$

# Tsu t b o h danh ngh a thu quan

---

- Thu theo giá:

$$NPR = \frac{P_w(1+t)}{P_w} - 1 = t(\%)$$

- Thu theo l ng?

- Khi có b ng giá tính thu :

$$NPR = \frac{P_w + t.Pg}{P_w} - 1 = \frac{Pg}{P_w}.t$$

# Tổng hợp danh nghĩa thực

---

- Công thức 
$$NPR_f = \frac{P'}{P^w} - 1$$
- Chú ý:  $P'$  đây là giá bán thực tế

# T su t b o h h i u q u t h c - EPR

---

- EPR o l n g m c b o h i v i n h à S X n i a k h i á n h t h u N K l ê n c *u vào và thành ph m.*

- Công th c:

$$EPR = \frac{Vd - V_w}{V_w}$$

$$EPR = \frac{P_w.t_0 - C_w.t_1}{P_w - C_w}$$

# EPR của các ngành công nghiệp ở Việt Nam

|    |   |        |                                   |
|----|---|--------|-----------------------------------|
| 27 | Alcohol (all kinds)                             | 141.18 | <b>Extremely highly protected</b> |
| 64 | Bicycles and spare parts                        | 108.58 | > 100%                            |
| 39 | Brick and tile                                  | 105.57 |                                   |
| 36 | Other food manufactures                         | 101.55 |                                   |
| 26 | Processed and preserved fruits and vegetables   | 90.74  | <b>Highly protected</b>           |
| 81 | Leather goods                                   | 83.09  | >50%                              |
| 34 | Processed seafood and by-products               | 78.28  |                                   |
| 44 | Processed wood and wood products                | 47.35  | <b>Protected</b>                  |
| 40 | Cement  | 44.69  | > 0%                              |
| 62 | Home appliances and it spare parts              | 44.00  |                                   |
| 51 | Health medicine                                 | -0.12  | <b>Negative ERP</b>               |
| 60 | Health instrument and apparatus                 | -2.42  | < 0%                              |
| 61 | Precise and optics equipment, meter (all kinds) | -2.65  |                                   |

Nguồn: Le Thanh Ha and Bui Trinh, 2004

# Bài tập:

---

## ■ Xe Dream II:

- 6/1994: thuế NK CBU là 50% và CKD là 35%. (*Q 280/TTg ngày 20/5/1994*).
- 12/1994, thuế nhập khẩu tăng lên thuế NK là 60% và CKD là 58%. (*Q 1138/BTC ngày 17/11/1994*).

Giá tính thuế nhập khẩu CBU là 1.600USD/c và CKD là 1.450USD/b.

**Tính EPR và thuế xe Dream II tại 2 thời điểm trên?**

## II. Các biện pháp quản lý NK phi thu

---

1. Khái niệm NTM/NTB
2. Ưu điểm và nhược điểm của NTM
3. Các loại NTM



# 1. Khái niệm NTM/NTB

---

- NTM là các biện pháp ngoài thuế quan liên quan hoặc nhúng sản phẩm chuyển hàng hóa giữa các nước
- NTB là các NTM mang tính cản trở thị trường nội địa mà không dựa trên cơ sở pháp lý, khoa học hoặc bình đẳng (WTO)

## 2. u i m và nh c i m

---

### ■ u i m

- Phong phú về hình thức
- áp dụng nhiều mục tiêu
- Nhiều NTM chưa biết được các cam kết cụ thể gì mà, lo ngại

### ■ Nh c i m

- Không rõ ràng và khó đoán
- Khó khăn, tốn kém trong quản lý nên không thể thu ngân sách
- Gây bất bình đẳng, thậm chí các quy định mâu thuẫn DN
- Làm cho tín hiệu đầu tư kém trung thực

### 3. Các loại NTM

---

- Nhóm 1: Các biện pháp hạn chế nhập khẩu (3)
- Nhóm 2: Các biện pháp tăng thu quan (4)
- Nhóm 3: Quy định kinh doanh của các DN (2)
- Nhóm 4: Các biện pháp kiểm soát (3)
- Nhóm 5: Các biện pháp liên quan đến TM (3)
- Nhóm 6: Các biện pháp liên quan đến DV (3)
- Nhóm 7: Các biện pháp quản lý hành chính (5)
- Nhóm 8: Các biện pháp bảo vệ TM tiềm ẩn (2)

## 3.1. Các biện pháp hành chính quản lý

---

- Nhiệm vụ quy định của các cơ quan chức năng hay giá trị hàng hóa được xuất hiện hay không và tính chất tình trạng nào đó.
- 3 biện pháp chính: Cảnh sát phòng ngừa, hành chính phòng ngừa và giám sát pháp luật phòng ngừa.

## 3.1.1. C m nh p kh u

- Khái ni m: C m nh p kh u là bi n pháp h n ch nh l ng mà theo ó m t lo i hàng hóa c quy nh tuy t i không c phép a vào th tr ng n i a l u thông tiêu dùng.
- M c ích:
  - B o m an ninh qu c gia
  - B o v o c xã h i, thu n phong m t c
  - B o v s c kh e con ng i, ng th c v t
  - m b o cân b ng cán cân thanh toán qu c t
  - Vi t Nam: B o h s n xu t trong n c

### 3.1.1. C m nh p kh u

---

- Quan i m c a WTO:
  - Không cho phép s d ng
  - Ngo i l :

### 3.1.1. C m nh p kh u

---

- Quy nh c a Vi t Nam
  - Tr c ây hàng c m nh p kh u c chính ph công b hàng n m, có giá tr cho n m ó ho c cho m t s n m. n n m 2001, Quy t nh 46/2000/Q -TTg quy nh Danh m c hàng c m xu t, c m nh p kh u cho c giai o n 2001 – 2005
  - Ngh nh 12/2006/N -CP quy nh chỉ ti t v hàng hóa c m xu t kh u, nh p kh u cho c giai o n dài nh m áp ng v i nhu c u h i nh p kinh t qu c t .

## 3.1.2. H n ng ch nh p kh u

- Khái niệm: H n ng ch nh p kh u là quy nh c a nhà n c v s l ng hay giá tr hàng hóa c nh p kh u t **m t th tr ng** hay **nh p kh u nói chung**, trong m t kho ng th i gian nh t nh, th ng là 1 n m
- Phân lo i:
  - H n ng ch có quy nh th tr ng: ví d hàng hóa nh p kh u t Trung Qu c, M ,...
  - H n ng ch không quy nh th tr ng: Hàng hóa t n c nào c ng ph i ch u h n ng ch



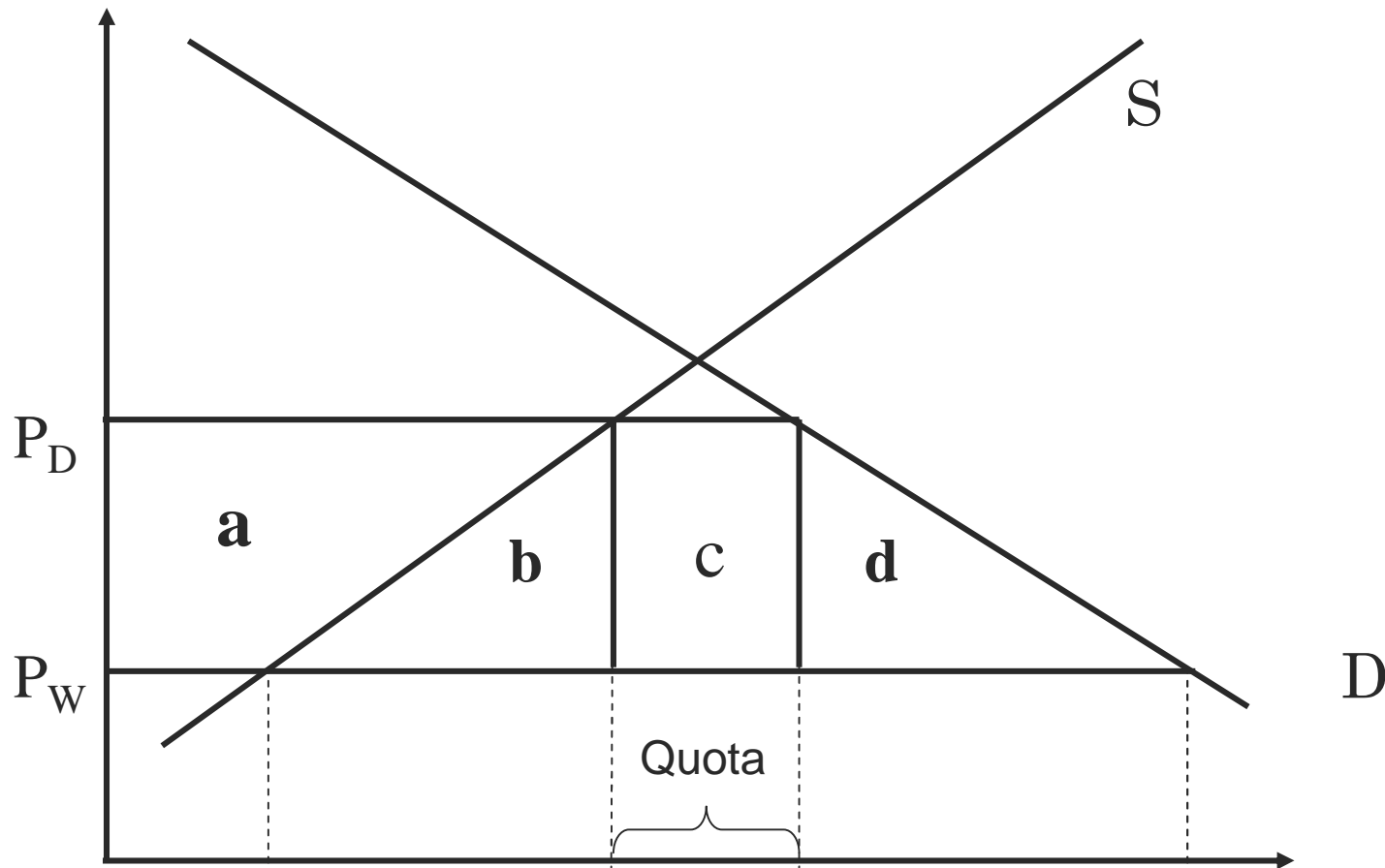
## 3.1.2. H n ng ch nh p kh u

---

- M c ích
  - Gi ng ph n C m nh p kh u
  - B o h SX trong n c
  - S d ng có hi u qu qu ngo i t (USD, CNY, JPY, AUD, SGD,...) – Vì sao?
  - Th c hi n các cam k t v i n c ngoài

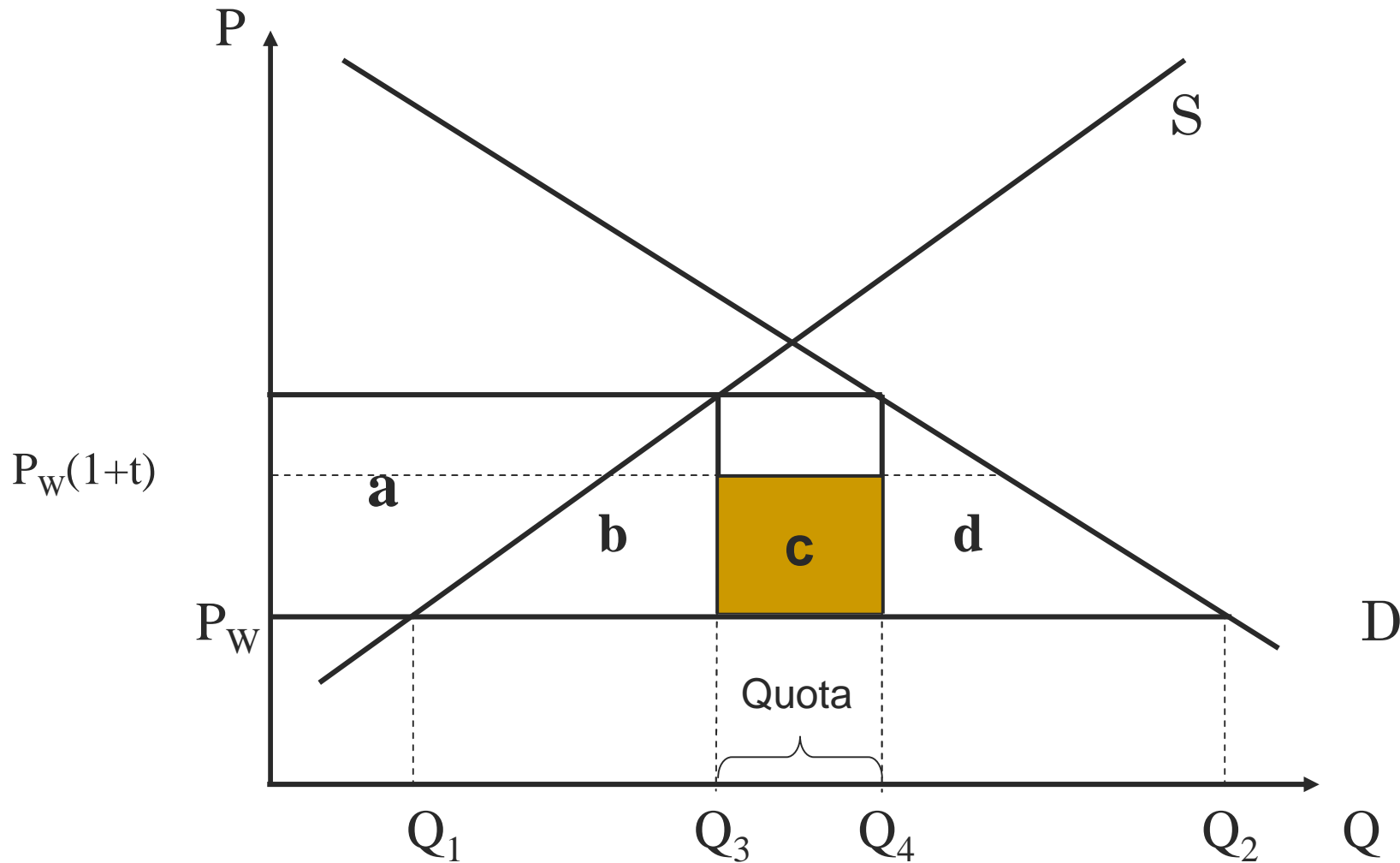
## 3.1.2. H n ng ch nh p kh u

■ S h n ng ch



## 3.1.2. H n ng ch nh p kh u

■ S h n ng ch và thu



## 3.1.2. H n ng ch nh p kh u

---

- Quan i m c a WTO
  - i u 11 GATT 1994: Các n c không c s d ng
  - Ngo i l :

## 3.1.2. H n ng ch nh p kh u

---

- Quy nh c a Vi t Nam:
  - Nh ng n m tr c Vi t Nam s d ng bi n pháp này khá ph bi n
  - Ch còn h n ng ch xu t kh u theo quy nh c a n c ngoài và h n ng ch thu quan

### 3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

- **Khái niệm:** Giấy phép nhập khẩu là một biên pháp quản lý nhập khẩu hàng không quy định số lượng hay giá trị cho phép nhập khẩu phải xuất trình có quan hệ quan kiểm tra giấy phép nhập khẩu
- **Phân loại:**
  - Giấy phép tạm nhập: là một văn bản cho phép thực hiện ngay lập tức không có điều kiện gì về việc làm xin giấy phép – thời hạn là sau 10 ngày làm việc
  - Giấy phép không tạm nhập: quy định quản lý theo hàng nhập khẩu hay theo các biên pháp khác – trong vòng 30 ngày/60 ngày

### 3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

---

#### ■ Mục đích

- Quản lý luồng hàng hóa xuất – nhập khẩu và thống kê
- Chứng các hiện tượng gian lận thuế nhập khẩu, buôn lậu
- Góp phần bảo vệ trật tự, SX nội địa
- Thực hiện cam kết với các nước ngoài

### 3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

- **Quan hệ mậu dịch WTO:** Hiệp định ILP:
  - Quy định về các quan chấp hành: Các thẩm phán
    - Không phi lợi nhuận mà là các thẩm phán QL chấp hành pháp luật
    - Minh bạch, rõ ràng, khách quan
    - Bộ vụ trưởng NK và nhà cung cấp phải chỉ định không chấp hành do những quy tắc nhất quán
  - Quy định về các nhà sản xuất thành viên: Công bằng
    - Tất cả các cá nhân công ty đều có thể làm việc
    - Các quan quản lý chịu trách nhiệm chấp hành
    - Các sản phẩm mà nhà sản xuất có giấy phép



### 3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

- Quan hệ miễn thuế WTO (tiếp)

- Các quy định thêm:

- Nguyên tắc xin cấp và thời hạn càng ngắn càng tốt
- Nguyên tắc xin cấp không bị chi phối vì lợi ích cách mạng mà không làm thay đổi nội dung DL cơ bản
- Phế thải nhập khẩu vì lợi ích trên không nên quá khắt khe mà chỉ nên cảnh báo
- Hàng NK đã cấp phép không bị chi phối do nhúng bị nhúng nhúng giá trị, số lượng, số lượng giấy phép nhập khẩu phù hợp với quản lý do phát sinh quá trình vận chuyển, xếp hàng rời

### 3.1.3. Giấy phép nhập khẩu

---

- Quy định của Việt Nam:
  - Quyết định 46/2001/QĐ-TTg trong đó có quy định về các mặt hàng xuất nhập khẩu quản lý bằng giấy phép
  - Quyết định 41/2005/QĐ-TTg Quy định về cấp phép nhập khẩu hàng hóa. Quy định này phù hợp với Hiệp định ILP
  - Nghị định 12/2006/NĐ-CP có danh mục hàng hóa XNK chịu quản lý của Bộ Thương mại và Bộ chuyên ngành

## 3.2. Các biện pháp tăng cường thu quan

---

- Là các biện pháp làm tăng giá hàng nhập khẩu theo cách tăng thuế thu quan
- 4 biện pháp:
  - Xác định thuế giá trị gia tăng
  - Thuế nhập khẩu
  - Thuế tiêu thụ
  - Thuế chuyển nhượng

## 3.2.1. Xác định giá trị liên quan

- **Khái niệm:** *Giá trị liên quan là giá cả hàng hóa XNK xác định theo mức ích quan lý, là mức trong những mức cần tính thuế liên quan và các thuế khác.*
- **Mức ích:** *Bộ môn giá trị hàng hóa như phẩm chất xác định một cách khách quan, công bằng, phát huy tác dụng tích cực tới các ràng buộc thuế*

## 3.2.1. Xác định giá trị quan

---

### ■ Quan điểm của WTO

6 phương pháp xác định giá trị quan:

- Giá giao dịch
- Giá giao dịch của hàng giống hệt
- Giá giao dịch của hàng tương tự
- Giá khấu trừ / Suy diễn
- Giá tính toán
- Phương pháp phòng

## 3.2.1. Xác định giá trị quan

---

### ■ Quy định của Việt Nam:

- Thông tư 113/2005/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế XNK 2005
- Nghị định 40/2007/NĐ-CP ngày 16/03/2007 quy định về việc xác định giá trị quan thuế hàng xuất khẩu, nhập khẩu

## 3.2.2-4 nh giá, Bi n phí, Ph thu

- nh giá: Giá tr n và Giá sần
- Bi n phí: Giá n i a – Giá nh p kh u
- Ph thu:
  - Khái ni m: Là các kho n thu thêm ngoài thu
  - M c ích: B o h - Thu Ngân sách – Bình n giá
  - Quan i m WTO: Ch c gi i h n m c t ng ng chi phí d ch v b ra và ko c b o h hay Thu ngân sách.
  - Quy nh Vi t Nam: Tr c ây: s t thép, phân bón, nh a... nh ng t 2000 ã bãi b

### 3.3. Quy n kinh doanh c a các DN

---

#### 3.3.1. Doanh nghi p TM nhà n c:

##### ○ **Khái ni m:**

- Là các doanh nghi p c ban hành các c quy n th ng m i dù cho chúng thu c s h u nhà n c hay s h u t nhân.
- Là các doanh nghi p chính ph hay phi chính ph có m t s c quy n, c l i nh t nh theo quy nh c a lu t pháp trong n c trong vi c mua bán, trao i hàng hóa liên quan t i xu t nh p kh u.



### 3.3.1. Doanh nghiệp TM nhà nước

---

#### ■ Mục đích:

- Thực hiện hành các hoạt động XNK
- Phân phối mặt hàng NK quan trọng (xăng dầu, xi măng, giấy, phân bón, rau)
- Kiểm soát SX, ch/biến và ph/phối SP nội địa

#### ■ Quan hệ m WTO: Thỏa thuận về GATT 1994 quy định nghĩa vụ của DNTMNN

- **Kinh doanh chính thức vào tính toán TM**
- **Minh bạch:** CP cung cấp thông tin cho Hội đồng TM hàng hóa WTO thông tin về Dsách DNTMNN, SPKD và thông tin làm cơ sở đánh giá phđng thđc kinh doanh

## 3.3.2. Quy n kinh doanh NK

---

- **Khái ni m:** là quy n dành cho m t s doanh nghi p nh t nh c ti n hành ho t ng nh p kh u i v i m t/m t s /t t c m t hàng trên m t th tr ng nh t nh trong m t th i gian nh t nh ho c m t s l nh v c nh t nh.
- **M c ích:** H n ch XNK, ho c bình n giá và kh i l ng

## 3.3.2. Quy n kinh doanh NK

---

- **Quan i m c a WTO:** Trái v i nguyên t c c a WTO v tính công khai, minh b ch và bình ng
- **Quy nh c a Vi t Nam:**
  - Ngh nh 33/CP 19-04-94: Thành l p úng PL, cam k t tuân th PL, ho t ng chuyên doanh XNK theo úng ngành ng ký, có v n l u ng 200.000\$ và i ng cán b am hi u KD XNK (nhân s )
  - Ngh nh 57/1998/N -CP: b v n và nhân s
  - Ngh nh 12/2006/N -CP: b ngành ngh

## 3.4. Các biện pháp kỹ thuật

---

- Rào cản kỹ thuật trong thương mại  
(*Technical Barrier to Trade - TBT*)
- Các biện pháp kiểm dịch y tế và thực vật  
(*Sanitary and Phytosanitary Measures – SPS*)

### 3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

---

- Rào cản kỹ thuật trong thương mại là một biện pháp phi thuế quan hình thành do có sự khác biệt về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hay quy trình đánh giá sự phù hợp giữa các quốc gia và vì vậy các hoạt động trong quy trình thương mại và gây cản trở tới thương mại mà không dựa trên cơ sở pháp lý, khoa học hoặc công bình.

### 3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

---

- **Biện pháp** kỹ thuật trong thương mại là một biện pháp phi thuế quan được xây dựng dựa trên các quy định kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hay quy trình đánh giá sản phẩm và các điều kiện trong quy trình thương mại và có liên quan hoặc ảnh hưởng tới lưu thông thương mại.

### 3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

- Hình thức TBT phổ biến nhất:
  - Quy chuẩn kỹ thuật (Technical Regulations): các tiêu chuẩn mà việc tuân thủ là bắt buộc
  - Tiêu chuẩn kỹ thuật (Technical Standards): các tiêu chuẩn không bắt buộc tuân thủ
  - Thị trường/Quy trình đánh giá sự phù hợp: bắt buộc một thị trường nào đó áp dụng gián tiếp xác định rằng các yêu cầu liên quan trong các quy định kỹ thuật hay tiêu chuẩn có thể hiển hay không

**Lưu ý:** Trong nhiều trường hợp tiêu chuẩn kỹ thuật bao hàm cả quy chuẩn kỹ thuật

### 3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

---

Một số nhóm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phổ biến:

- Chuẩn, thông số vận hành, hoạt động của máy móc, thiết bị, công nghệ, phương tiện vận tải...
- Quy định nhãn mác, bao bì đóng gói.
- TC và quy trình chế biến, thẩm mỹ, kích cỡ hàng hoá
- TC và hàm lượng chất trong sản phẩm
- TC và chất lượng hàng hoá
- TC và bảo vệ môi trường sinh thái
- TC và ưu đãi lao động
- TC khác:



### 3.4.1. Rào cản k thu t trong th ng m i

---

- M c ích c a tiêu chu n và quy chu n k thu t:
  - T o thu n l i cho th ng m i
    - Ng i tiêu dùng: D dàng l a ch n SP phù h p
    - Ng i s n xu t: SX quy mô l n, bán thành ph m...  
gi m giá thành và t ng c ng hi u qu SX
    - Ng i bán: d hi u khi àm phán, gi m b t tranh  
ch p v quy cách và ch t l ng hàng hóa
  - Nh ng yêu c u an ninh qu c gia
  - t ra tiêu chu n b o v s c kh e và an toàn c a  
dân chúng & môi tr ng
  - Ng n ch n các hành vi không trung th c
  - B o h s n xu t

### 3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

---

- **Quan hệ mậu dịch WTO:** Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải đáp ứng sao cho:
  - Không phân biệt đối xử giữa các SPNK theo xu hướng (MFN)
  - Không dành cho các SP NK kém ưu đãi hơn các SP SX trong nước (NT)
  - Dựa trên thông tin kỹ thuật và khoa học
  - Không cản trở quy định hay áp dụng theo cách thức mà gây ra “những trở ngại không cần thiết đối với TMQT”

### 3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

---

- **Quan điểm của WTO:** “Quy tắc thúc hành ứng trong việc xây dựng, thông qua và áp dụng các tiêu chuẩn” yêu cầu các nước:
  - Sản xuất tiêu chuẩn quốc tế làm nền tảng cho tiêu chuẩn quốc gia
  - Tham gia ngay trong phạm vi nguên tắc của mình vào việc chuẩn bị các tiêu chuẩn quốc tế cho các SP mà họ đã nh sản xuất tiêu chuẩn quốc gia

### 3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

---

- Quy định của Việt Nam:
  - 1990: Pháp lệnh về tiêu chuẩn hàng hóa
  - Nghị định 179/2006/NĐ-CP quy định Hệ thống tiêu chuẩn chung và sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam bao gồm: TCVN, Tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn cơ sở.
  - Hệ thống TCVN áp dụng và hiện có 5.600 tiêu chuẩn quốc gia tuy nhiên hiện có 150 tiêu chuẩn bắt buộc phải áp dụng

### 3.4.1. Rào cản kỹ thuật trong thương mại

---

- Quy định của Việt Nam:

- Nhu cầu tiêu chuẩn Việt Nam là chủ sở hữu thị trường (mức 35% hài hòa với quốc tế và khu vực)
- Thông thường 5-6 năm các tiêu chuẩn được rà soát lại một lần và sửa đổi, nhưng VN có nhu cầu tiêu chuẩn tăng trên 20 năm

### 3.4.2. Các biện pháp kiểm soát chất lượng thực vật SPS

- **Khái niệm:** SPS là các biện pháp can thiệp b o v
  - Các sản phẩm của con người hoặc vật nuôi khi các rủi ro do l ãng th ãc gây ra do vì c s ã d ãng ch ã t ph ã gia, ch ã t gây ô nhi ãm, c ã t ho ãc các t ãch c ã gây b ãnh (và do ã ó ã m b o an toàn th ãc ph ãm)
  - Sản phẩm của con người khi các b ãnh lây nhi ãm t ã vật nuôi ho ãc cây tr ãng
  - Vật nuôi và cây trồng khi các lo ãi sâu và d ãch b ãnh

### 3.4.2. Các biến pháp kiểm định thống kê về t SPS

---

■ **Thống kê là các quy định về :**

- *Kiểm định;*
- *Quy trình công nghệ chế biến;*
- *Điều kiện và sinh công nghiệp;*
- *Hàm lượng các chất có trong sản phẩm, v.v....*

## 3.4.2. Các biện pháp kiểm soát nguy cơ vật SPS

### ■ Mục đích: Bảo vệ

- Sản xuất của con người khi các rủi ro gây ra bởi các chất phụ gia, chất và các bệnh do nguy cơ vật gây ra
- Sản xuất của động vật khi rủi ro gây ra bởi các chất phụ gia, chất, sâu bệnh, và các mối quan hệ tiềm ẩn gây bệnh
- Sản xuất của các loài thực vật khi các rủi ro gây ra bởi thú nuôi, các loài bệnh tật, các tác nhân khác gây bệnh
- Bảo vệ lãnh thổ khi các rủi ro gây ra bởi việc xâm nhập, xuất hiện và lan truyền của sâu bệnh



## 3.4.2. Các biện pháp kỹ thuật trong thực tiễn SPS

- **Quy định của WTO:** Hiệp định SPS yêu cầu các thành viên phải
  - Hướng dẫn xây dựng các biện pháp SPS căn cứ vào tiêu chuẩn chđn và khuyến nghị quốc tế
  - Tham gia ý vào các hoạt động của các tổ chức quốc tế về SPS nhằm thúc đẩy hài hòa SPS trên bình diện quốc tế
  - Tổ chức i cho bên liên quan các nước thành viên khác góp ý cho đtho các tiêu chuẩn nư các tiêu chuẩn ó không có c s là các tiêu chuẩn quốc tế, hoặc i trch kh i các tiêu chuẩn quốc tế hoặc không có tiêu chuẩn quốc tế liên quan
  - Chấp nhận các biện pháp SPS của nước XK nư t cùng mức b o v SPS và tham gia khi có th vào các th a thu n th a nh n l n nhau v tính t ng ng c a các biện pháp SPS

### 3.4.2. Các biện pháp kiểm soát nguy cơ về SPS

#### ■ Một số ví dụ :

EU xuất khẩu quy định mức tối đa cho aflatoxins có trong lạc nghiêm ngặt hơn. Một số nhà sản xuất ra rơ ngửi u này không dựa trên cơ sở khoa học và không làm giảm đáng kể rủi ro về virus ckhể con người, mà dựa vào vị hàng xuất khẩu cao. EU đã ngăn ý sản xuất.

### 3.4.2. Các biện pháp kiểm soát thực vật SPS

---

#### ■ Một số ví dụ :

EU cấm NK cá t Tanzania và cho rằng biện pháp này là cần thiết để ngăn ngừa sự lây lan truyền bệnh do chất thải các sản phẩm có chứa mầm bệnh. Tuy nhiên sau đó EU đã ý định loại bỏ lệnh cấm này sau khi tham vấn với các bên và nhận được sự đồng ý của các bên liên quan.

### 3.4.2. Các biện pháp kiểm soát nguy cơ vệ sinh SPS

---

#### ■ Quy định của Việt Nam:

- Pháp lệnh thứ 3/1993 và Nghị định 93/NĐ-CP hướng dẫn thi hành
- 27/11/1993 Quy chế kiểm soát nguy cơ vệ sinh
- Quyết định 28/TTg 13/01/1997 và thông tư 02/NN-NK/TT 03/03/1997 ban hành khác biệt các biện pháp kiểm soát nguy cơ vệ sinh
- Quyết định 45/2005/QĐ-BNN và Danh mục kiểm soát kiểm soát nguy cơ vệ sinh
- Quyết định 73/2005/QĐ-BNN và danh mục kiểm soát kiểm soát nguy cơ vệ sinh

# VD: S khác nhau giữa TBT và SPS

---

- Quy định thu c sâu
- Quy định nhãn hàng
- Quy định các lo i bao bì v n chuyên ng c c

# VD: Phân biệt TBT và SPS

- Nga đã đưa ra những yêu cầu mà i i v i các loại trái cây và rau đóng bao, xuất khẩu của Trung Quốc. Theo đó, **tên gọi, xuất xứ, khối lượng và các thông tin khác** về những sản phẩm xuất khẩu nói trên phải có ký hiệu rõ ràng song ngữ Nga-Trung, không dùng những loại **nhãn đã già hoặc bản vẽ, giấy báo hay các nhãn sản phẩm khác** cũng như **các loại giấy chứng nhận** gói trong. Nếu đóng thùng bằng gỗ thì gỗ không có mối mọt. Số Nga đưa ra những yêu cầu này là vì các loại rau và trái cây đóng bao, nhập khẩu từ Trung Quốc không có ý các ký hiệu và mã số không có bất cứ ch dấu hay thông tin nào về sản phẩm liên quan.

## 3.5. Các biện pháp T liên quan TM

---

- Yêu cầu vật lý nội địa hóa
- Yêu cầu thuế xuất khẩu bất bu c
- Yêu cầu phải g n v i phát triển ngu n nguyên li u trong n c (s a, ng, g ,...)

## 3.6. Các biện pháp liên quan DV

- Dịch vụ phân phối
- Dịch vụ tài chính ngân hàng
  - *Hạn chế trong giao dịch thanh toán: L/C; L/G*
  - *Hạn chế sử dụng ngoại tệ: Tỷ cân đối ngoại tệ*
  - *Mở rộng thị trường ngoại tệ*
  - *Quy định vay ngoại tệ*
- DV khác: giám định hàng hóa, vận tải...



## 3.7. Các biện pháp quản lý hành chính

---

- Tổ chức nhân sự
- Hàng đợi hàng
- Thủ tục hành chính
- Mua sắm chính phủ
- Quy tắc xuất xứ

### 3.8. Các biện pháp bảo vệ thông tin

---

- Thu chi ngân sách giá
- Thu chi ngân sách
- Thu chi phân bổ

### III. nh h ng s d ng các công c qu n lý NK

---

#### 1. u và nh c i m c a thu quan

- u i m
- Nh c i m

#### 2. nh h ng chung

- S d ng b sung c 2 công c
- Xu h ng chung c a thu NK là m c thu ph i gi m đ n, vì c ánh thu ph i rõ ràng, minh b ch
- Xu h ng chung các bi n pháp phi thu là chuy n t các bi n pháp nh l ng tr c ti p sang các bi n pháp tinh vi
- Vì c nâng cao kh n ng b o h và s c c nh tranh là ngh thu t v n d ng 2 công c này